

NGHÈO ĐỐI PHI TIỀN TỆ VÀ THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM

HIỆN NAY

Th.S. Phạm Thu Hương*

Tóm tắt: Bài viết tập trung vào hai chỉ số tính toán nghèo đói phi tiền tệ đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới và Việt Nam. Đó là chỉ số nghèo khả năng phát triển con người (HPI) và chỉ số nghèo đa chiều (MPI). Qua các số liệu mới nhất công bố về chỉ số HPI, MPI của Việt Nam cho thấy: Việc cung cấp tốt hơn các dịch vụ xã hội về giáo dục, y tế đã giúp cho người nghèo ở nước ta cải thiện được những thiếu hụt đa chiều. Tuy nhiên, tỷ lệ về tiêu chuẩn chất lượng sống của người dân vẫn còn rất thấp. Ngoài ra, độ sâu nghèo đói ở Việt Nam cũng là vấn đề mà tác giả cho rằng rất đáng phải lưu tâm.

Từ khóa: Phi tiền tệ; nghèo đói; nghèo đa chiều.

Đặt vấn đề

Hiện nay, phát triển con người đang hướng tới việc phát triển thể chất, năng lực xã hội của con người và môi trường phát triển con người, nhấn mạnh đến việc nâng cao năng lực lựa chọn và mở rộng cơ hội lựa chọn nhằm thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người. Những mục tiêu trên được đánh giá dựa trên ba tiêu chí cơ bản: một cuộc sống có học vấn cao, một cuộc sống vật chất đầy đủ và một cuộc sống khỏe mạnh, trường thọ. Vì thế nghèo đói đã, đang và sẽ trở thành rào cản đối với việc phát triển con người một cách cụ thể qua việc không có khả năng tiếp cận các cơ hội học tập, chăm sóc sức khỏe và tăng thu nhập. Như vậy, nghèo đói trong chính bản thân nó không chỉ là biểu hiện của lĩnh vực kinh tế, do đó, các nhà nghiên cứu đã đưa ra một số chỉ số nghèo đói phi tiền tệ bên cạnh chỉ số nghèo đói tiền tệ truyền thống để đánh giá nghèo đói ở từng cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Qua đó, các nhà hoạch định chính sách sẽ có

những chính sách giảm nghèo phù hợp và hiệu quả. Những chỉ số này hiện nay được đánh giá cao và áp dụng nhiều ở các quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, cũng thông qua các chỉ số nghèo đói phi tiền tệ, bức tranh nghèo đói được khắc họa một cách sâu sắc hơn, toàn diện hơn so với bức tranh mà chỉ số nghèo tiền tệ đem lại. Với cách đo lường phi tiền tệ sẽ giúp Việt Nam nhìn nhận đúng hơn về thực trạng nghèo đói và có những biện pháp hữu hiệu cho công tác xóa đói giảm nghèo hướng đến mục tiêu phát triển con người.

1. Vì sao cần đo lường nghèo đói phi tiền tệ

Thứ nhất, nghèo đói phi tiền tệ được coi là xu hướng nghiên cứu và đánh giá về nghèo đói hiện nay trên thế giới. Từ năm 1997, UNDP đã sớm đưa ra chỉ số nghèo khả năng phát triển con người (HPI - Human poverty index) và gần đây nhất tổ chức OPHI (Oxford Poverty and Human Development Initiative) trực thuộc trường đại học Oxford đã công bố chỉ số nghèo đa chiều (MPI - Multidimensional poverty index) và được nhiều tổ chức, quốc gia ủng hộ và đo lường theo chỉ số này. Các tổ

* Viện Nghiên cứu Con người.

chức thế giới UNDP, ADP, WB, UNICEF,... đều hướng những nghiên cứu của mình vào việc đo lường nghèo đói với các chỉ số nghèo đói phi tiền tệ, thông qua hàng loạt các nghiên cứu như: hệ thống các báo cáo phát triển con người của các quốc gia từ năm 1990 đến nay của UNDP dựa trên các tính toán nghèo đói phi tiền tệ và hàng loạt các nghiên cứu về nghèo đói đa chiều của ADB, WB được tiến hành những năm gần đây đi kèm với đó là những đề xuất chính sách tới các chính phủ tại hầu khắp các quốc gia trên thế giới, nơi đã minh chứng cho việc nghèo đói phi tiền tệ đang là sự quan tâm của cộng đồng thế giới.

Thứ hai, việc đo lường nghèo đói truyền thống dựa trên tiền tệ qua cách thức sử dụng chuẩn nghèo (dựa vào thu nhập/chỉ tiêu) kéo dài trong suốt thời gian qua đã cho thấy tính không phù hợp, bộc lộ nhiều hạn chế, như bỏ sót đối tượng, độ bao phủ chưa cao, thiếu công bằng trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo, chưa đánh giá, đo lường mức độ chuyển biến về tiếp cận các nhu cầu xã hội cơ bản của người dân... dẫn đến việc ra đời cách tiếp cận nghèo đói phi tiền tệ.

Thứ ba, các chỉ số nghèo phi tiền tệ có thể giúp tổng kết mức độ nghèo ở một số chiều cạnh hoặc đa chiều cạnh và sự gia tăng khoảng cách nghèo khổ. Điều này mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực hơn so với việc chỉ dựa trên các chỉ số đo lường về thu nhập. Hơn nữa, qua những chỉ số này cũng giúp các nhà hoạch định chính sách xác định được các vùng tập trung nghèo đói của quốc gia mình, từ đó xếp hạng được các địa phương trong nước làm cơ sở cho việc xác định những người chịu nhiều bất lợi nhất trong quá trình phát triển con người, qua đó có những biện pháp hữu hiệu để khắc phục và thúc đẩy sự phát triển con người một cách toàn diện.

2. Một số chỉ số đo lường nghèo đói phi tiền tệ

2.1. Chỉ số nghèo khả năng phát triển con người (HPI)

Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 1997 đã đưa ra chỉ số nghèo tổng hợp hay nghèo khả năng phát triển con người (HPI - Human poverty index) là một chỉ số với mục đích tính toán được những đặc trưng khác nhau của tình trạng nghèo khổ trong chất lượng cuộc sống của con người (UNDP, 1997).

Chỉ số HPI phản ánh những hạn chế hay rào cản đối với phát triển con người ở ba khía cạnh cơ bản của phát triển con người là: tuổi thọ, kiến thức và mức sống. Trong đó, tuổi thọ được thể hiện bằng tỷ lệ người dân không sống quá 40 tuổi; giáo dục được thể hiện bằng tỷ lệ người lớn (trên 15 tuổi) mù chữ; mức sống được thể hiện trong ba biến số: tỷ lệ người dân không được tiếp cận nước sạch, tỷ lệ người dân không được hưởng các dịch vụ y tế và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (UNDP, 2011).

Tuy nhiên, bản chất của sự nghèo khổ là rất khác nhau giữa những điều kiện kinh tế, xã hội của các cộng đồng, bởi vậy, việc sử dụng chỉ số HPI mang tính chất nhạy cảm đối với bối cảnh xã hội của một số quốc gia trên thế giới. Ví dụ, chỉ số tập trung vào mù chữ và tử vong sơ sinh có thể được sử dụng để so sánh giữa các quốc gia còn chậm phát triển như Pakistan và Sri Lanka, nhưng lại khó có thể sử dụng chỉ số này để so sánh đối với các quốc gia đã phát triển như Pháp và Đức. Trong khi những vấn đề về nghèo khổ ở các nước đang phát triển liên quan tới đói ăn, mù chữ, bệnh dịch tràn lan và thiếu các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nước sạch thì ở các nước phát triển - nơi không còn phổ biến tình trạng đói ăn và mù chữ, bệnh dịch đã được kiểm soát, dịch vụ sức khỏe được cung cấp rộng rãi, dễ dàng tiếp cận với nước sạch thì nghiên cứu về nghèo khổ ở đây tập trung nhiều hơn vào những biến số,

như bị loại trừ về mặt xã hội. Chính bởi sự lan tràn nghèo khổ ở những nước nghèo nên chỉ số HPI được xây dựng nhằm mục đích tính đến bối cảnh và những biến số được lựa chọn để phản ánh bối cảnh đó. Bản chất của nghèo khổ ở các nước giàu đáng được nghiên cứu với chỉ số chuyên biệt hơn, tập trung vào tình trạng thiếu thốn đặc biệt phù hợp với các quốc gia đó. Vì thế, việc sử dụng chỉ số HPI để đánh giá tình trạng nghèo ở các nước đang phát triển tỏ ra hữu ích hơn nhiều so với các quốc gia phát triển. Do đó, người ta đã chia chỉ số HPI thành hai loại: HPI-1 để đánh giá mức độ nghèo tổng hợp ở các quốc gia đang phát triển và HPI-2 để đánh giá mức độ nghèo tổng hợp ở các quốc gia có thu nhập cao (như nhóm OECD) nhằm phản ánh tốt hơn sự khác biệt kinh tế - xã hội.

Về mặt hợp phần, chỉ số HPI đo lường sự nghèo khổ của con người trên hai lĩnh vực chính là giáo dục và y tế. Cụ thể, các chỉ số HPI-1 và HPI-2 cùng đo lường qua những chiều cạnh sau:

Thứ nhất là sự thiếu thốn liên quan đến sự tồn tại: có thể bị chết sớm được thể hiện qua khả năng không sống đến tuổi 40 (đối với HPI-1) và tuổi 60 (đối với HPI-2).

Thứ hai là chiều cạnh liên quan đến tri thức: bị loại trừ khỏi thế giới đọc và giao tiếp, được đo lường bằng tỷ lệ người lớn mù chữ (đối với HPI-1) và tỷ lệ người lớn trong độ tuổi 16 - 65 thiếu các kỹ năng biết chữ thiết thực, có thể dùng để làm việc (đối với HPI-2).

Thứ ba là liên quan đến chất lượng cuộc sống tốt, cụ thể là sự cung cấp về kinh tế toàn diện. Điều này được thể hiện trong sự tổng hợp ba biến số: tỷ lệ người tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nước sạch, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thiếu cân và suy dinh dưỡng¹.

Ngoài ra, chỉ số HPI-2 còn đo lường một chiều cạnh thứ tư - đó là sự loại trừ xã hội. Nội

dung này được đo lường qua chỉ số tỷ lệ dân bị thất nghiệp lâu dài (từ 12 tháng trở lên).

Theo báo cáo phát triển con người 1997 của UNDP, chỉ số HPI không chỉ hữu ích cho việc đánh giá và quản lý tình trạng nghèo khổ mà còn cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách khi đưa ra các khung chương trình nhằm xóa đói giảm nghèo có hiệu quả vì mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện.

2.2. Chỉ số nghèo đa chiều (MPI)

Sau một thời gian sử dụng chỉ số HPI, UNDP đã chỉ ra rằng, chỉ số HPI đo lường những thiếu hụt ở mức độ tổng hợp và không thể xác định các nhóm hay các hộ cụ thể bị thiếu hụt đồng thời ở nhiều chiều.

Để giải quyết những hạn chế đó, báo cáo phát triển con người toàn cầu năm 2010 đã giới thiệu một phương pháp mới để tính toán chỉ số HDI với ba chỉ số mới là: Chỉ số nghèo đa chiều (MPI), chỉ số bất bình đẳng giới (GII) và chỉ số HDI điều chỉnh bất bình đẳng (IHDI) (UNDP, 2011). Trong đó, MPI là một dạng chỉ số nghèo phi tiền tệ đã có những điều chỉnh nhằm khắc phục hạn chế của chỉ số HPI².

MPI phản ánh tất cả phạm vi tác động của nghèo đói. Chỉ số này được tính toán bằng việc nhân phạm vi ảnh hưởng của đói nghèo hay nghèo đếm đầu (Incidence of Poverty or headcount ratio) (H) và cường độ trung bình tác động lên người nghèo hay độ sâu nghèo đói (Average Intensity Across the Poor) (A).

Cụ thể, MPI được tính toán dựa trên ba chiều cạnh lớn. Ba chiều cạnh lớn này được cấu thành từ 10 chỉ số. Mỗi chiều cạnh được tính điểm trọng số bằng nhau, trong mỗi chiều cạnh thì mỗi chỉ số cũng được tính điểm trọng số bằng nhau, thể hiện trong bảng sau:

² Chỉ số nghèo khổ đa chiều (MPI) được phát triển, ứng dụng bởi OPHI (Oxford Poverty and Human Development Initiative) trực thuộc trường đại học Oxford và được UNDP ủng hộ.

¹ <http://www.ihs.org.vn/index.asp?url=detail&id=262&sub=>

Bảng 1: CÁC CHIỀU CẠNH VÀ CHỈ SỐ CỦA MPI

10 chỉ số

Số năm đi học (1/6)	Tham dự lớp học (1/6)	Tỷ lệ chết trẻ sơ sinh (1/6)	Dinh dưỡng (1/6)	Nhiên liệu đun nấu (1/18)	Hệ thống vệ sinh (1/18)	Nước sạch (1/18)	Điện (1/6)	Số tầng nhà ở (1/18)	Tài sản sở hữu cá nhân (1/18)
Giáo dục (1/3)		Sức khỏe (1/3)		Tiêu chuẩn sống (1/3)					

3 chiều cạnh

Nguồn: OPHI (2013).

Đề đo lường nghèo đói, MPI được tính toán dựa trên những cá nhân bị loại trừ khỏi các chỉ số trong ba chiều cạnh nói trên dưới cách tiếp cận hộ gia đình. Cụ thể như sau:

Đối với chiều cạnh giáo dục (mỗi chỉ số có trọng số 1/6)

+ Số năm đi học: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu không có thành viên nào trong gia đình có thời gian đi học là 05 năm.

+ Tham dự lớp học: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu bất kỳ trẻ em trong độ tuổi đi học của hộ gia đình không đi học từ khi 1 tuổi đến 8 tuổi.

- *Đối với chiều cạnh sức khỏe (mỗi chỉ số có trọng số 1/6)*

+ Tỷ lệ chết trẻ sơ sinh: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu có bất kỳ trẻ em nào trong gia đình chết khi sinh.

+ Dinh dưỡng: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu bất kỳ thành viên hoặc trẻ em nào trong gia đình bị suy dinh dưỡng.

- *Đối với chiều cạnh tiêu chuẩn sống (mỗi chỉ số có trọng số 1/18)*

+ Điện: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu hộ gia đình không có điện

+ Nước uống: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu hộ gia đình không được tiếp cận với nước sạch hoặc nguồn nước sạch cách nhà hơn 30 phút đi bộ (hai chiều).

+ Vệ sinh: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu gia đình không có công trình vệ sinh hoặc dùng chung nhà vệ sinh.

+ Sàn nhà: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu gia đình có sàn nhà cát hoặc đất.

+ Nhiên liệu nấu nướng: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu gia đình nấu nướng bằng củi, than hoặc phân.

+ Sở hữu tài sản: Các cá nhân trong hộ gia đình bị loại trừ nếu hộ gia đình không sở hữu nhiều hơn một radio, TV, xe đạp, xe máy, tủ lạnh hoặc không sở hữu một chiếc xe ô tô hoặc máy kéo.

Với mỗi chỉ số thành phần, hộ gia đình bị loại trừ hoàn toàn sẽ có điểm là 1, nếu hoàn toàn không bị loại trừ sẽ có điểm là 0. Các điểm số này sẽ được nhân với trọng số rồi tính

tổng các kết quả để biết được điểm số về nghèo của một hộ gia đình. Hộ gia đình đó được cho là không nghèo nếu điểm số tổng cộng nhỏ hơn $1/3$ (0,333) và được cho là nghèo nếu điểm số tổng cộng lớn hơn $1/3$ (0,333). Sau đó, phạm vi ảnh hưởng của đói nghèo hay nghèo đếm đầu (H) sẽ được xác định bằng tổng số thành viên của các gia đình nghèo chia cho tổng dân số. Còn độ sâu của nghèo đói là số trung bình điểm nghèo của các gia đình nghèo. Người nghèo theo chỉ số MPI sẽ được coi là nghèo sâu sắc (acute poverty). Trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu sẽ tính tỷ lệ số dân “nghèo đa chiều” của một tỉnh, hay một quốc gia (Sabina Alkire và Maria Emma Santos, 2011).

Như vậy, có thể thấy chỉ số MPI bao quát trực tiếp sự túng thiếu, tổn thất trong tác động đến sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ thiết yếu như nước sạch, vệ sinh và năng lượng. Ở một số nước các nguồn này được cung cấp miễn phí hoặc với một giá rất thấp trong khi một số nơi chúng vượt quá mức so với thu nhập của người lao động³.

Có thể nói, chỉ số MPI đánh giá được một loạt các yếu tố quyết định hay những thiếu thốn, túng quẫn ở cấp độ gia đình: từ giáo dục, những tác động về sức khỏe, đến tài sản và các dịch vụ. Theo OPHI và UNDP, những chỉ số này cung cấp đầy đủ hơn bức tranh về nghèo đói so với các thang đo về thu nhập giản đơn. Thang đo này biểu lộ cả tính tự nhiên và quy mô của sự nghèo khổ ở các cấp độ khác nhau: từ cấp độ gia đình đến cấp độ khu vực, cấp độ quốc gia và cấp độ quốc tế. Cụ thể, OPHI đã nhận định: “Thang đo này xác định được phần lớn các nhóm và hộ gia đình bị tổn thương và thúc đẩy chúng ta hiểu chính xác hơn những nguyên nhân gây ra những túng quẫn cho cuộc

sống của họ”. Ngoài ra, bà Alkire - chuyên gia của OPHI cũng nói thêm rằng “Thang đo mới này có thể giúp cho các chính phủ và các tổ chức phát triển cung cấp sự viện trợ linh hoạt hơn đến từng cộng đồng riêng biệt, cụ thể”⁴.

3. Nghèo đói phi tiền tệ ở Việt Nam hiện nay

3.1. Tổng quan nghèo đói phi tiền tệ tại Việt Nam

Ở Việt Nam, tỷ lệ người nghèo đã giảm đáng kể từ 37,4% năm 1998 xuống 11,1% năm 2012. Đói nghèo nông thôn giảm từ 44,9% xuống 14,1% trong khi đói nghèo thành thị giảm từ 9,5% xuống 4,3% (UNDP, 2015). Tốc độ giảm nghèo của Việt Nam được coi là điểm sáng trong việc đạt được mục tiêu thiên niên kỷ. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo có khả năng bị đánh giá thấp hơn thực tế do chuẩn nghèo của Việt Nam khá thấp so với tiêu chuẩn quốc tế và một số nhóm dễ bị tổn thương nhất thường nằm ngoài các cuộc điều tra quốc gia.

Nếu theo cách tính toán của các chỉ số nghèo đói phi tiền tệ HPI và MPI thì chúng ta sẽ có những kết quả khác nhau về tình trạng nghèo đói ở Việt Nam. Chỉ số HPI của Việt Nam trong năm 2012 là 11,1%, tỷ lệ nghèo đa chiều của nước ta còn cao hơn nhiều, 21,3% (UNDP, 2015). Không những tỷ lệ nghèo phi tiền tệ cao hơn so với tỷ lệ nghèo đói tiền tệ mà độ sâu nghèo đói ở nước ta cũng đáng lưu tâm. Qua tỷ lệ về độ sâu của nghèo đói sẽ nói lên nhiều điều hơn là việc chúng ta chỉ tập trung về số lượng người nghèo trên tổng dân số. Làm phép so sánh về tỷ lệ nghèo đói ở Việt Nam qua cách đo lường của nghèo đa chiều và nghèo tiền tệ sẽ cho chúng ta nhìn rõ hơn sự khác biệt về độ sâu nghèo đói.

³ <http://www.ihs.org.vn/index.asp?url=detail&id=265&su>

⁴ <http://www.ihs.org.vn/index.asp?url=detail&id=265&su>

Bảng 2: NGHÈO ĐỐI ĐA CHIỀU Ở VIỆT NAM

Chỉ số nghèo đa chiều (MPI=HxA)	0,026
Phạm vi ảnh hưởng của nghèo đói (H)	6,4%
Độ sâu của nghèo đói (A)	40,7%
Dân số dưới chuẩn nghèo về thu nhập 1,25 đô la/ngày (2002-2012)	2,4%
Dân số dưới chuẩn nghèo theo tiêu chuẩn quốc gia (2004-2014)	17,2%

Nguồn: UNDP (2015).

Rõ ràng là nếu tính theo tiêu chuẩn nghèo tiền tệ của quốc gia thì tỷ lệ nghèo đói của Việt Nam hoàn toàn không quá đáng lo ngại. Tuy nhiên, khi nhìn nhận dưới góc độ nghèo đói đa chiều thì vấn đề sẽ được làm sáng tỏ hơn. Theo báo cáo mới nhất của UNDP năm 2015, nghèo đa chiều của Việt Nam là 0,026, trong đó có 6,4% tổng dân số Việt Nam được coi là nghèo. Trong số 6,4% dân số đó thì độ sâu nghèo đói của họ là 40,7%. Có nghĩa là những người nghèo ở Việt Nam không bị loại

trừ 100% khỏi 10 chỉ số trong ba chiều cạnh giáo dục, y tế và tiêu chuẩn sống, nhưng bị loại trừ ở mức trung bình 40,7% (bảng 2). Dù độ sâu nghèo đói của Việt Nam ở mức trung bình nhưng điều đó cũng phần nào phản ánh người nghèo cũng đang phải chịu đựng nhiều thiếu hụt phi tiền tệ như tiếp cận giáo dục, dinh dưỡng, nước sạch, điện, vệ sinh...

Hãy đi sâu vào các chỉ số thành phần của MPI để có cái nhìn toàn diện và thực tế hơn về tình trạng nghèo của Việt Nam.

Bảng 3: CÁC CHIỀU CẠNH CỦA NGHÈO ĐỐI ĐA CHIỀU Ở VIỆT NAM

Quốc gia	Giáo dục	Sức khỏe	Tiêu chuẩn sống
Việt Nam	35,9	25,7	38,4

Đơn vị: %

Nguồn: UNDP (2015).

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, trong số 6,4% người nghèo tại Việt Nam thì nghèo về giáo dục là 35,9%, nghèo về sức khỏe là 25,7% và nghèo về tiêu chuẩn sống là 38,4%. Có thể thấy tình trạng nghèo đói tại Việt Nam đa phần là nghèo về tiêu chuẩn sống. Hay nói cách khác, số lượng các cá nhân không tiếp cận được với những tiêu chuẩn sống như điện, vệ sinh, nước sạch, tài sản sở hữu, nhiên liệu đun nấu tại Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tiếp theo là nghèo về giáo dục với 35,9% số người bị loại trừ. Lĩnh vực sức khỏe dường như là lĩnh vực người dân tiếp cận được nhiều nhất khi chỉ có 25,7% dân số nghèo về lĩnh vực này.

Nhắc đến nghèo đói, chúng ta cũng cần đi tìm hiểu về nguy cơ nghèo và tình trạng nghèo khổ nghiêm trọng của người dân, qua đó thấy được mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Theo kết quả nghiên cứu của UNDP năm 2015, tỷ lệ dân số có thể bị tổn thương dẫn đến nghèo ở

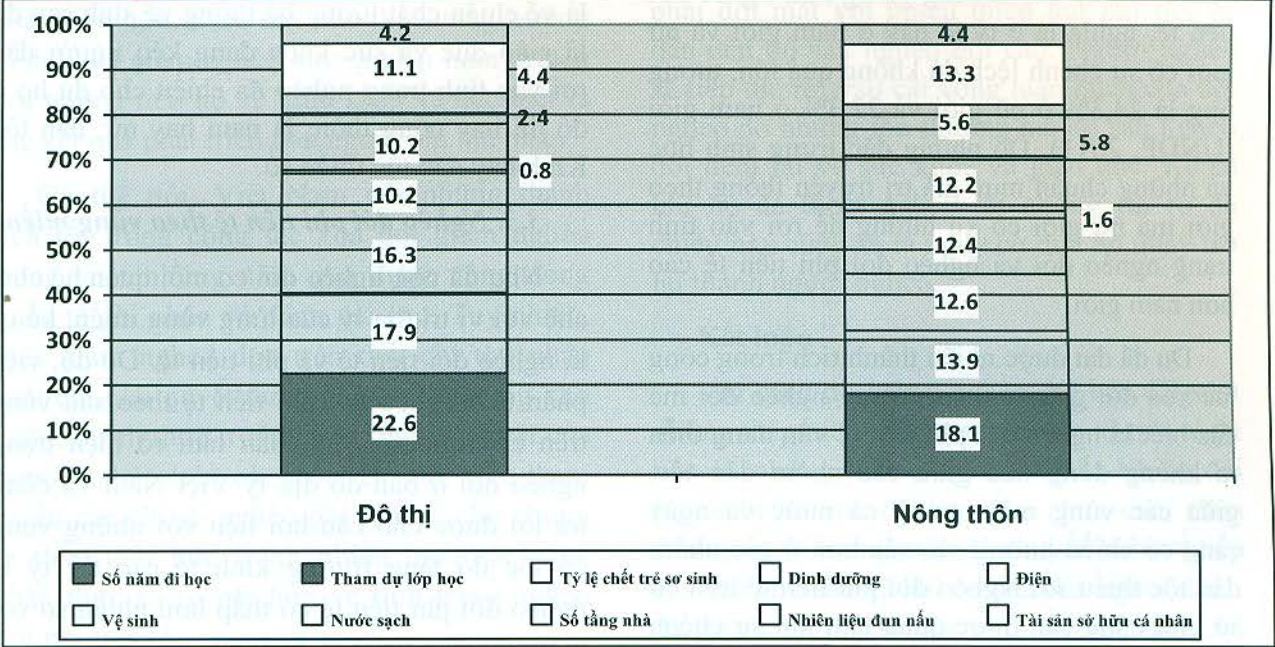
Việt Nam là 8,7% và tỷ lệ người dân Việt Nam đang sống trong tình trạng nghèo gay gắt hay cực cực cũng chiếm đến 1,3% tổng dân số (UNDP, 2015). Những con số này thực sự đáng lo ngại nếu như chúng ta không có những biện pháp kịp thời và có hiệu quả thì hệ lụy của nó sẽ kéo dài cho đến những thế hệ sau và tác động không nhỏ đến việc đảm bảo phát triển bền vững con người Việt Nam những giai đoạn tiếp theo.

3.2. Nghèo đói phi tiền tệ theo đặc điểm nhân khẩu học xã hội

Nghèo đói diễn ra gay gắt ở khu vực nông thôn, nhưng cũng không phải là không tồn tại ở khu vực thành thị. Nếu xét một cách chi tiết hơn về tỷ lệ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn và đô thị qua từng chỉ số thành phần của MPI thì sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn những thiếu hụt nào đang là nguyên nhân đóng góp chủ yếu cho giá trị của MPI ở hai khu vực này.

Biểu 1: TỶ LỆ CỦA CÁC CHỈ SỐ CẤU THÀNH NÊN MPI Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Đơn vị: %



Nguồn: OPHI (2015).

Nếu nhìn một cách tổng quát cho ba chiều cạnh của từng giá trị MPI nông thôn và đô thị thì chiều cạnh tiêu chuẩn sống ở cả khu vực nông thôn và thành thị đóng góp nhiều hơn cho chỉ số MPI. Nhưng khi xem xét sự đóng góp của từng chỉ số vào giá trị của MPI của khu vực nông thôn và thành thị thì đóng góp của ba chỉ số là số năm đi học, tham dự lớp học và tỷ lệ chết trẻ sơ sinh đều là cao nhất. Tuy vậy, vẫn cần phải thừa nhận rằng, nghèo đói phi tiền tệ ở nông thôn vẫn diễn ra gay gắt hơn ở đô thị, giá trị MPI ở khu vực đô thị là xấp xỉ 0,0045, còn ở nông thôn là xấp xỉ 0,022.

“Dân tộc, cũng như nghèo thu nhập, là chỉ dẫn chủ yếu của tình trạng nghèo đa chiều.” (UNDP, 2015). Có thể thấy, nhận định trên của UNDP đã phản ánh rất rõ nét tình trạng nghèo đói đa chiều của nhóm các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay. Nếu xem các nhóm dân tộc của Việt Nam gồm hai nhóm lớn là

dân tộc Kinh, Hoa và các dân tộc thiểu số khác thì kết quả tính toán MPI cho thấy, tỷ lệ nghèo đếm đầu (H) của các dân tộc thiểu số là 50,9%, còn của nhóm dân tộc Kinh và Hoa là 16,5% (UNDP, 2015). Những con số này đã cho thấy mối tương quan mạnh mẽ giữa khu vực địa lý và dân tộc đối với nghèo đói đa chiều về những thiếu hụt phi tiền tệ như mức sống thấp hơn, tình trạng y tế và giáo dục kém hơn.

Theo ngũ phân vị thu nhập, nhóm dân cư nghèo nhất là nhóm thiếu hụt nhất về hầu hết các chỉ số và đặc biệt thiếu hụt về giáo dục, chất lượng nhà ở và vệ sinh môi trường. Chỉ số MPI cho nhóm này 0,1938, trong đó tỷ lệ nghèo đếm đầu (H) là 45,6%, trong đó độ sâu nghèo đói là 42,5%. Các hộ nghèo đa chiều ở nhóm thứ hai và thứ ba cũng bị thiếu hụt về bảo hiểm y tế, phản ánh tiềm năng thiếu vắng cung cấp dịch vụ cho nhóm cận nghèo và nhóm có mức thu nhập trung bình. Các hộ ở nhóm giàu thứ hai cũng thiếu điều kiện vệ sinh

môi trường và ở mức độ ít hơn về điều kiện học hành (UNDP, 2015).

Xét theo đặc trưng về giới, tình trạng nghèo đói đa chiều cũng giống như nghèo đói tiền tệ, nghĩa là ở tỷ lệ này ở nam giới và nữ giới có sự chênh lệch dù không quá lớn, tương ứng là 24,3% ở nữ giới và 22,3% ở nam giới (UNDP, 2011). Do những đặc trưng sinh học và những chuẩn mực giá trị truyền thống theo giới mà nữ giới có xu hướng dễ rơi vào tình trạng nghèo đói và nghèo đói phi tiền tệ cao hơn nam giới.

Dù đã đạt được nhiều thành tích trong công tác xóa đói giảm nghèo, nhưng nghèo đói mà đặc biệt là nghèo đói phi tiền tệ vẫn đang diễn ra không đồng đều giữa các nhóm dân tộc, giữa các vùng miền trong cả nước và ngày càng có chiều hướng sâu sắc hơn ở các nhóm dân tộc thiểu số. Nghèo đói phi tiền tệ trên cơ sở giới cũng cần được quan tâm khi sự chênh lệch dù không quá lớn, nhưng lại càng ngày

càng làm gia tăng sự bất bình đẳng theo giới ở Việt Nam. Hơn nữa, các chỉ số thành phần của MPI cũng phản ánh sự thiếu hụt phi tiền tệ là cao hơn hẳn so với nghèo đói tiền tệ. Đặc biệt là về chiều chất lượng hệ thống vệ sinh sau đó là giáo dục và sức khỏe đang kéo người dân rơi vào tình trạng nghèo đa chiều cho dù họ ở đô thị hay nông thôn, là nam hay nữ, dân tộc Kinh hay dân tộc thiểu số.

3.3. Nghèo đói phi tiền tệ theo vùng miền

Như đã nói, nghèo đói có mối quan hệ chặt chẽ với vị trí địa lý của từng vùng miền, kể cả là nghèo đói tiền tệ và phi tiền tệ. Do đó, việc phân tích nghèo đói phi tiền tệ theo sáu vùng trên cả nước sẽ góp phần làm rõ hiện trạng nghèo đói ở bản đồ địa lý Việt Nam và cũng trả lời được cho câu hỏi liệu với những vùng có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao thì tỷ lệ nghèo đói phi tiền tệ có thấp hơn nhiều so với những vùng khác hay không?

Bảng 4: CHỈ SỐ MPI CỦA SÁU VÙNG Ở VIỆT NAM

Vùng	Chỉ số MPI (MPI=HxA)	Tỷ lệ nghèo đếm đầu (H) (%)	Trung bình độ sâu nghèo đói (A) (%)
Tây Nguyên	0,1306	31,8	41,1
Đồng bằng sông Cửu Long	0,1730	41,6	41,6
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	0,0675	17,0	39,6
Trung du và miền núi phía Bắc	0,1413	33,6	42,1
Đồng bằng sông Hồng	0,0206	5,7	35,9
Đông Nam Bộ	0,1306	31,8	41,1

Nguồn: UNDP (2015).

Với tỷ lệ nghèo đếm đầu trên tổng dân số cho thấy, tỷ lệ cao nhất là ở Đồng bằng sông Cửu Long và Trung du và miền núi phía Bắc, tiếp theo là Tây Nguyên, tương ứng 41,6%, 33,6% và 31,8%. Như vậy, tỷ lệ nghèo đếm đầu MPI cao nhất là ở vùng nghèo nhất cả nước. Tỷ lệ này thấp nhất so với sáu vùng trên cả nước là Đồng bằng sông Hồng, chỉ chiếm

5,7% và Đông Nam Bộ với tỷ lệ 31,8%. Tuy nhiên, nếu nhìn sang cột bên cạnh, chúng ta thấy ngay độ sâu nghèo đói ở cả sáu vùng trên cả nước đều đáng lo ngại. Độ sâu nghèo đói không có sự chênh lệch quá lớn như ở tỷ lệ nghèo đếm đầu, kể cả ở Tây Nguyên so với Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Những con số này cho thấy, tại các

vùng phát triển hơn như Đồng bằng sông Hồng hay Đông Nam Bộ, mặc dù tỷ lệ nghèo tương đối thấp, nhưng mức độ nghèo của họ không chênh lệch bao nhiêu so với các vùng ít phát triển hơn. Điều này cho thấy, tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo không phải luôn đi liền với những tiến bộ về mức sống và đặc biệt là các kết quả phát triển con người phi thu nhập.

Có thể nói, Việt Nam với những thành tích tốt trong công tác xóa đói giảm nghèo trong suốt những năm qua được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, việc giảm nghèo dựa trên tiêu chí thu nhập mới chỉ giải quyết được phần nào những khó khăn, thách thức trong cuộc sống chật vật của người nghèo trên cả nước. Do đó, việc tham chiếu các chỉ số nghèo phi tiền tệ cho chúng ta thấy một bức tranh nhiều màu sắc hơn, chân thực và rõ nét hơn về tình trạng nghèo đói phi tiền tệ.

Sự khác biệt về tỷ lệ nghèo giữa vùng miền, khu vực, giới tính, dân tộc phần nào đã phản ánh sự tồn tại của bất bình đẳng trong thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội dẫn đến những thiếu hụt nghiêm trọng ở khu vực nông thôn, dân tộc thiểu số, ở vùng Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc. Việc cung cấp tốt hơn các dịch vụ xã hội về giáo dục, y tế đã giúp cho người nghèo cải thiện được những thiếu hụt đa chiều. Tuy nhiên, tỷ lệ về tiêu chuẩn chất lượng sống của người dân vẫn còn rất thấp, nên người nghèo đặc biệt ở vùng nông thôn, miền núi đang phải chịu những thiếu thốn về nước sạch, vệ sinh, chất lượng nhà ở, tài sản sở hữu còn thấp. Vì thế, chiều cạnh này đóng góp cho chỉ số MPI của Việt Nam là cao hơn cả.

Nếu các cách đo lường nghèo đói tiền tệ chỉ cho chúng ta thấy nghèo đói về thu nhập thì các cách đo lường nghèo đói phi tiền tệ, đặc biệt là cách đo lường nghèo đa chiều còn cho chúng ta thấy một thực tế đáng lo ngại ở

Việt Nam là độ sâu của nghèo đói. Ngay cả khi tỷ lệ nghèo đa chiều tương đối thấp ở những vùng có mức độ tăng trưởng kinh tế cao trên cả nước thì những người nghèo ở đây phải đối mặt với nhiều thiếu hụt phi tiền tệ dẫn đến độ sâu nghèo đói cao. Người nghèo sẽ tiếp tục rơi vào cái vòng luẩn quẩn của đói nghèo do những tổn thương mà độ sâu nghèo đói đem lại về sức khỏe và giáo dục. Kể cả khi họ đã thoát nghèo thì những rủi ro đa chiều này cũng sẽ là nguy cơ đưa họ quay trở lại thành người nghèo.

Kết luận

Với cách đo lường nghèo đói kéo dài suốt những thập niên qua dựa trên yếu tố tiền tệ đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Nhiều đối tượng bị bỏ sót, độ bao phủ chưa cao, chưa đánh giá, đo lường mức độ chuyển biến về tiếp cận các nhu cầu xã hội cơ bản của người dân... đã trở thành thách thức cho các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách và nhà nghiên cứu trong việc tìm ra các biện pháp tối ưu nhằm giải quyết vấn đề nghèo đói. Việc ra đời cách đo lường nghèo đói phi tiền tệ với những chỉ tiêu tính toán đa chiều đã cho thấy tính ưu việt hơn trong việc chỉ ra được đâu là đối tượng của nghèo đói, độ bao phủ rộng lớn hơn và đã đo lường, tính toán được những nhu cầu xã hội cơ bản của người nghèo.

Qua những số liệu thực tế về cách đo lường nghèo đói phi tiền tệ ở trên đã cho thấy, Việt Nam cần quan tâm hơn nữa đến các yếu tố về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bảo trợ xã hội, đặc biệt là các tiêu chí để đảm bảo tiêu chuẩn sống cơ bản cho người dân, từ đó giúp người dân nghèo có thể tham gia vào quá trình phát triển. Các chính sách xã hội cần phải khuyến khích tính đa dạng, cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân để củng cố tăng trưởng kinh tế trong dài hạn thông qua việc xây dựng một nguồn lực lao động có cả trí và lực. Quan trọng hơn, Nhà nước cũng cần phải đảm bảo mọi công dân đặc biệt là người nghèo có thể dễ dàng tiếp cận được những điều kiện

cơ bản của phát triển con người. Chỉ có như vậy, người dân mới có thể thoát ra khỏi những thiếu hụt đa chiều, phát triển bản thân, từ đó nâng cao chất lượng sống hướng đến xóa đói và xóa nghèo.

Cuối cùng, với những chỉ tiêu này đã, đang và sẽ giúp cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách xác định rõ hơn các lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư, đưa ra được các giải pháp

xóa đói giảm nghèo có hiệu quả và tăng cường những dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo nhằm khắc phục tính bị loại trừ xã hội của họ giúp họ hòa nhập xã hội tốt hơn, xóa đói giảm nghèo bền vững hơn. Đồng thời, việc làm này cũng góp phần đảm bảo tính công bằng xã hội và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội hướng tới một xã hội phát triển vì con người, hướng đến con người.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo (chủ biên), Trương Thúy Hằng, Đặng Thị Thanh Huyền (2008). *Nghiên cứu chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam*, Hà Nội.
2. <http://www.ihs.org.vn/index.asp?url=detail&id=262&sub=>
3. <http://www.ihs.org.vn/index.asp?url=detail&id=265&su>
4. <https://data.undp.org/dataset/Table-5-Multidimensional-Poverty-Index/7p2z-5b33>
5. Mai Quỳnh Nam (Chủ nhiệm) (2011). Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ. *Một số vấn đề cơ bản về phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Hà Nội.
6. OPHI (2015). *Multidimensional poverty index at a glance. Country briefing: Vietnam*.
7. Sabina Alkire and Maria Emma Santos (2011). *Training material for producing national human development reports: The Multidimensional Poverty Index*.
8. UNDP (1997). Human development report 1997.
9. UNDP (2011). Báo cáo Quốc gia về phát triển con người năm 2011. *Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người*.
10. UNDP (2015). Báo cáo Quốc gia về phát triển con người năm 2015. *Tăng trưởng vì mọi người*.
11. UNDP (2015). Human development report 2015. *Work for Human development*.